TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 29 /2024/DS- ST
Ngày 25/9/ 2024
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân : 1/ Ông Nguyễn Ngọc Thành; 2/ Bà Vi Thị Tú;

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2024/TLST- DS, ngày 21/5/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXX – ST, ngày 16 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2024/QĐST- DS ngày 07/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ: Tầng A và tầng B, Tòa nhà S - A A, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh; do ông Hàn Ngọc V, Chức vụ; Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật; Người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Tiến L, Chức danh; cán bộ; Có mặt

- *Bị đơn*: Ông Trần Đức H, sinh năm 1984; Vắng mặt không có lý do
Nơi cư trú: TDP Lốt, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Trong đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện Ngân hàng TMCP Q trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (V1) – V1 ký với ông Trần Đức H Hợp đồng tín dụng số 4659410.22 ngày 25/07/2022 với nội dung: Số tiền giải ngân là 342.000.000đ; Mục đích giải ngân thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10; Thời hạn vay 84 tháng, từ ngày 26/07/2022 đến ngày 25/07/202 Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,9%/ năm; Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lLãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3,9%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất này sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng Lãi suất cơ sở theo

sản phẩm theo quy định VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm. Hoàn trả khoản vay gốc vào ngày 30 hàng tháng; kỳ trả đầu tiên 30/08/2022, mỗi kỳ trả 4.072.000đ; số tiền còn lại trả vào cuối kỳ, hoàn trả lãi vào ngày 30 hàng tháng, trả phí theo quy đinh của V1 từng thời kỳ, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngân hàng V1 đã giải ngân cho ông Trần Đức H theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 4659410.22 ngày 25/07/2022 với số tiền 342.000.000đ theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng. Ông Trần Đức H đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế tại VIB – V1, hạn mức là 63.830.644đ, mục đích sử dụng là tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Trần Đức H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tính đến ngày 25/9/2024, ông Trần Đức H đã thanh toán trả cho cho Ngân hàng V1 số tiền là 91.296.881đ (trong đó: gốc là 54.946.000đồng, lãi là 36,350,881 đồng); ông Trần Đức H còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền là 449.415.360đ, (trong đó dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 4659410.22 ngày 25/07/2022 là 342.187.294đ, Nợ gốc là: 287.054.000đ, nợ lãi là: 22.120.429đ, nợ lãi quá hạn là: 33.012.865đ; Dư nợ khoản vay thẻ tín dụng theo đơn phát hành thẻ tín dụng đã ký là 107.228.066đ, trong đó nợ gốc là 59.991.542đ, nợ lãi là 47.236.524đ).

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau: Buộc ông Trần Đức H trả ngay cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tính đến ngày 25/9/2024 là: 449.415.360đ (trong đó dư nợ gốc là: 347.045.542đ, nợ lãi là: 69.356.953đ, nợ lãi quá hạn là: 33.012.865đ).

Tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 25/9/2024 cho đến khi ông Trần Đức H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

[2] Bị đơn ông Trần Đức H vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho gia đình ông H và niêm yết tại địa phương để ông H biết đến làm việc tại Tòa án; Ông H không chấp hành đến làm việc và cố tình dấu địa chỉ, nên Tòa án không thu thập được lời khai.

[**3]** Đại diện của Viện kiểm sát phát biểu về tố tụng và quan điểm việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến kết thúc phần tranh luận chuyển vào nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông H cố tình vắng mặt, không chấp hành là vi phạm về nghĩa vụ.

Về giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 122, Điều 131; Khoản 2 Điều 212; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều

91 Luật tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

Buộc ông Trần Đức H phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ là: 347.045.542đ, tiền lãi tính đến ngày 25/9/2024 là 69.356.953đ, lãi quá hạn là 33.012.865đ ; tổng cả gốc + lãi = 449.415.360đ.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông *Trần Đức H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất ông H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

Về án phí: Ông Trần Đức H phải chịu là 21.976.000đ án phí DSST. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Q số tiền 9.875.000đ đã tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai số 0008583 ngày 21/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng TMCP Q khởi kiện ông Trần Đức H về tiền cho vay có yêu cầu tính lãi, mục đích của ông H vay tiền là để tiêu dùng. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động.

[2] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP Q do Hàn Ngọc V, Chức vụ; Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật; Người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Tiến L, Chức danh cán bộ, theo văn bản ủy quyền số 033892.24 ngày 28/02/2024; các đương sự ủy quyền là đúng theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật Dân sự, cần được chấp nhận.

Bị đơn ông Trần Đức H vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông H và niêm yết công khai tại nơi cư trú. Do ông H vắng mặt lần 2 không có lý do, Hội đồng xét xử vắng mặt theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP Q khởi kiện ông Trần Đức H do thực hiện không đúng hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu ông H phải trả tiền gốc + lãi và lãi quá hạn. Ông Trần Đức H đã vi phạm cam kết trả nợ nên Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo luật định theo Điều 35 và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngân hàng TMCP Q1 cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình: Hợp đồng tín dụng số 4659410.22; đơn đề nghị giải ngân; CMTND, sổ hộ khẩu và giấy tờ pháp lý của ông Trần Đức H; hồ sơ pháp lý (Điều lệ, giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập).

Do bị đơn ông Trần Đức H không chấp hành đến làm việc và cố tình dấu địa chỉ, nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông H và ông H không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh: *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp".*

Căn cứ vào lời khai, tài liệu chứng cứ của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định:

Ngân hàng TMCP Q (V1) – V1 ký với ông Trần Đức H Hợp đồng tín dụng số 4659410.22 ngày 25/07/2022 với nội dung: Số tiền giải ngân là 342.000.000đ, mục đích vay thanh toán mua 01 xe ô tô, thời hạn vay 84 tháng, ãi suất 9,9%/ năm và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất này sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm. Hoàn trả khoản vay gốc vào ngày 30 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên 30/08/2022, mỗi kỳ trả 4.072.000đ, số tiền còn lại trả vào cuối kỳ; trả phí theo quy đinh của V1 từng thời kỳ, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngoài ra ông Trần Đức H đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế tại VIB – V1, hạn mức là 63.830.644đ, mục đích sử dụng: tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Trần Đức H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tính đến ngày 25/9/2024, ông Trần Đức H đã thanh toán cho Ngân hàng V1 số tiền là 91.296.881đ (trong đó gốc là 54.946.000, lãi là 36,350,881đ). Sau khi thanh toán ông Trần Đức H còn nợ số tiền là 449.415.360đ (trong đó dư nợ gốc là: 347.045.542đ, nợ lãi là: 69.356.953đ, nợ lãi quá hạn là: 33.012.865đ). Do đó, ông Trần Đức H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ số tiền gốc, lãi, lãi quá hạn đến ngày 25/9/2024.

Ông Trần Đức H phải chịu tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 25/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q được chấp nhận nên ông Trần Đức H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 122, Điều 131; Khoản 2 Điều 212; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

Buộc ông Trần Đức H phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ là: 347.045.542đ, tiền lãi tính đến ngày 25/9/2024 là 69.356.953đ, lãi quá hạn là 33.012.865đ ; tổng cả gốc + lãi = 449.415.360đ.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông *Trần Đức H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất ông H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

[2] Về án phí: Ông Trần Đức H phải chịu là 21.976.000đ án phí DSST. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Q số tiền 9.875.000đ đã tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai số 0008583 ngày 21/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

[3] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai; Báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu HS, AV.

Trần Văn Toàn